

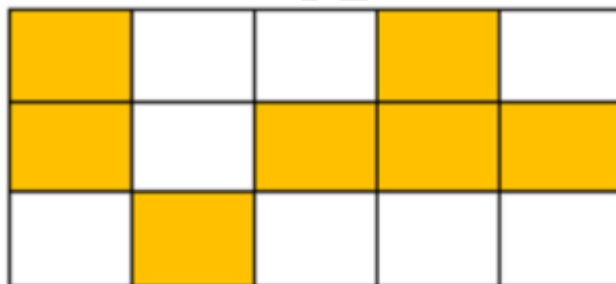
Họ và tên:

Lớp:

Môn: Toán – Lớp 4

Bộ sách: Cánh diều

Thời gian làm bài: 40 phút

I. TRẮC NGHIỆM (Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng)**Câu 1.** Phân số chỉ phần đã tô màu trong hình vẽ bên là:

A. $\frac{7}{15}$

B. $\frac{8}{15}$

C. $\frac{3}{5}$

D. $\frac{15}{7}$

Câu 2. Hình bình hành có:

A. Hai cặp cạnh đối diện song song

B. Hai cặp cạnh đối diện bằng nhau

C. Hai cặp cạnh đối diện song song và bằng nhau

D. Hai cặp cạnh đối diện song song và bốn cạnh bằng nhau

Câu 3. Số thích hợp điền vào chỗ chấm $\frac{24}{32} = \frac{\dots}{4}$ là:

A. 1

B. 3

C. 5

D. 2

Câu 4. Dấu thích hợp điền vào chỗ chấm $\frac{11}{18} \dots \frac{2}{3}$ là:

A. >

B. <

C. =

D. Không xác định được

Câu 5. Dấu thích hợp điền vào chỗ chấm $2\text{m}^2 \ 13\text{cm}^2 \dots 2013 \text{cm}^2$ là:

A. >

B. <

C. =

D. Không xác định được

Câu 6. Diện tích của hình vuông có chu vi bằng 36 dm là:A. 72dm^2 B. 81dm^2 C. 324dm^2 D. 36dm^2 **II. TỰ LUẬN****Câu 1.** Điền dấu >, <, =

$\frac{10}{18} \dots \frac{11}{18}$

$\frac{7}{12} \dots \frac{7}{13}$

$\frac{5}{8} \dots \frac{15}{24}$

$\frac{2}{3} \dots \frac{8}{15}$

Câu 2. Tính

$$\frac{12}{25} + \frac{8}{25}$$

$$\frac{1}{6} + \frac{5}{18}$$

$$\frac{19}{7} - \frac{5}{7}$$

Câu 3. Điền số thích hợp vào chỗ chấm.

$$95 \text{ dm}^2 \dots\dots \text{ m}^2$$

$$18 \text{ cm}^2 \ 6 \text{ mm}^2 = \dots\dots \text{ mm}^2$$

$$4 \text{ dm}^2 \ 44 \text{ cm}^2 = \dots\dots \text{ cm}^2$$

$$2\text{m}^2 \ 3\text{cm}^2 = \dots\dots \text{ cm}^2$$

Câu 4. Một mảnh đất hình chữ nhật có nửa chu vi là 98 m, chiều dài hơn chiều rộng là 12m.

a) Tính diện tích mảnh vườn đó.

b) Trên thửa ruộng đó người ta trồng rau. Biết cứ 5m^2 thì thu hoạch được 4 kg rau. Hỏi trên cả mảnh vườn đó thu hoạch được bao nhiêu ki-lô-gam rau?

.....

.....

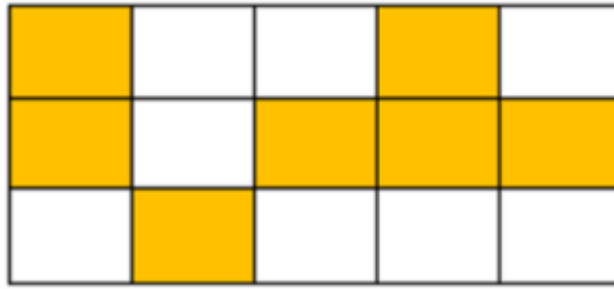
.....

.....

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Phân số chỉ phần đã tô màu trong hình vẽ bên là:



A. $\frac{7}{15}$

B. $\frac{8}{15}$

C. $\frac{3}{5}$

D. $\frac{15}{7}$

Phương pháp

Phân số chỉ phần đã tô màu có tử số là số phần được tô màu và mẫu số là số phần bằng nhau.

Lời giải

Phân số chỉ phần đã tô màu trong hình vẽ bên là: $\frac{7}{15}$

Đáp án: A

Câu 2. Hình bình hành có:

- A. Hai cặp cạnh đối diện song song
- B. Hai cặp cạnh đối diện bằng nhau
- C. Hai cặp cạnh đối diện song song và bằng nhau
- D. Hai cặp cạnh đối diện song song và bốn cạnh bằng nhau

Phương pháp

Dựa vào tính chất của hình bình hành để chọn đáp án thích hợp.

Lời giải

Hình bình hành có: Hai cặp cạnh đối diện song song và bốn cạnh bằng nhau

Đáp án: D

Câu 3. Số thích hợp điền vào chỗ chấm $\frac{24}{32} = \frac{\dots}{4}$ là:

A. 1

B. 3

C. 5

D. 2

Phương pháp

Chia cả tử số và mẫu số của phân số đã cho với cùng một số tự nhiên để được phân số bằng phân số ban đầu.

Lời giải

$$\frac{24}{32} = \frac{24:8}{32:8} = \frac{3}{4}$$

Đáp án: B

Câu 4. Dấu thích hợp điền vào chỗ chấm $\frac{11}{18} \dots \frac{2}{3}$ là:

- A. > B. < C. = D. Không xác định được

Phương pháp

Muốn so sánh hai phân số khác mẫu số, ta có thể quy đồng mẫu số hai phân số đó, rồi so sánh hai phân số cùng mẫu số.

Lời giải

$$\text{Ta có } \frac{2}{3} = \frac{2 \times 6}{3 \times 6} = \frac{12}{18}$$

$$\text{Vậy } \frac{11}{18} > \frac{12}{18}$$

Đáp án: A

Câu 5. Dấu thích hợp điền vào chỗ chấm $2\text{m}^2 \text{ } 13\text{cm}^2 \dots \dots \dots 2013 \text{ cm}^2$ là:

- A. > B. < C. = D. Không xác định được

Phương pháp

Áp dụng cách đổi: $1\text{m}^2 = 10\,000 \text{ cm}^2$

Lời giải

$$2\text{m}^2 \text{ } 13\text{cm}^2 = 20\,013 \text{ cm}^2 > 2013 \text{ cm}^2$$

Đáp án: A

Câu 6. Diện tích của hình vuông có chu vi bằng 36 dm là:

- A. 72 dm^2 B. 81 dm^2 C. 324 dm^2 D. 36 dm^2

Phương pháp

Bước 1: Tìm độ dài cạnh hình vuông = Chu vi hình vuông : 4

Bước 2: Diện tích của hình vuông = cạnh x cạnh

Lời giải

Độ dài cạnh hình vuông là: $36 : 4 = 9 \text{ (dm)}$

Diện tích của hình vuông là: $9 \times 9 = 81 \text{ (81 dm}^2\text{)}$

II. TỰ LUẬN

Câu 1. Điền dấu >, <, =

$$\frac{10}{18} \dots \frac{11}{18}$$

$$\frac{7}{12} \dots \frac{7}{13}$$

$$\frac{5}{8} \dots \frac{15}{24}$$

$$\frac{2}{3} \dots \frac{8}{15}$$

Phương pháp

- So sánh hai phân số cùng mẫu số: Phân số nào có tử số lớn hơn thì lớn hơn
- So sánh hai phân số cùng tử số: Phân số nào có mẫu số lớn hơn thì bé hơn
- Muốn so sánh hai phân số không cùng mẫu số, ta quy đồng mẫu số rồi so sánh hai phân số sau khi quy đồng.

Lời giải

$$\frac{10}{18} < \frac{11}{18}$$

$$\frac{7}{12} > \frac{7}{13}$$

$$\frac{5}{8} = \frac{15}{24}$$

$$\frac{2}{3} > \frac{8}{15}$$

Câu 2. Tính

$$\frac{12}{25} + \frac{8}{25}$$

$$\frac{1}{6} + \frac{5}{18}$$

$$\frac{19}{7} - \frac{5}{7}$$

Phương pháp

- Muốn cộng hai phân số khác mẫu số, ta quy đồng mẫu số hai phân số, rồi cộng hai phân số đó.
- Muốn trừ hai phân số có cùng mẫu số, ta lấy tử số của phân số thứ nhất trừ đi tử số của phân số thứ hai và giữ nguyên mẫu số.

Lời giải

$$\frac{12}{25} + \frac{8}{25} = \frac{20}{25} = \frac{4}{5}$$

$$\frac{1}{6} + \frac{5}{18} = \frac{3}{18} + \frac{5}{18} = \frac{8}{18} = \frac{4}{9}$$

$$\frac{19}{7} - \frac{5}{7} = \frac{14}{7} = 2$$

Câu 3. Điền số thích hợp vào chỗ chấm.

$$95 \text{ dm}^2 \dots\dots\dots \text{ m}^2$$

$$18 \text{ cm}^2 \ 6 \text{ mm}^2 = \dots\dots\dots \text{ mm}^2$$

$$4 \text{ dm}^2 \ 44 \text{ cm}^2 = \dots\dots\dots \text{ cm}^2$$

$$2\text{m}^2 \ 3\text{cm}^2 = \dots\dots\dots \text{ cm}^2$$

Phương pháp

Áp dụng cách đổi:

$$1\text{dm}^2 = 100 \text{ cm}^2 ; 10\ 000 \text{ cm}^2 = 1\text{m}^2$$

$$1\text{m}^2 = 100 \text{ dm}^2 ; 1\text{cm}^2 = 100 \text{ mm}^2$$

Lời giải

$$95 \text{ dm}^2 = \mathbf{9\ 500} \text{ m}^2$$

$$18 \text{ cm}^2 \ 6 \text{ mm}^2 = \mathbf{1\ 806} \text{ mm}^2$$

$$4 \text{ dm}^2 \ 44 \text{ cm}^2 = \mathbf{444} \text{ cm}^2$$

$$2\text{m}^2 \ 3\text{cm}^2 = \mathbf{20\ 003} \text{ cm}^2$$

Câu 4. Một mảnh đất hình chữ nhật có nửa chu vi là 98 m, chiều dài hơn chiều rộng là 12m.

a) Tính diện tích mảnh vườn đó.

b) Trên thửa ruộng đó người ta trồng rau. Biết cứ 5m^2 thì thu hoạch được 4 kg rau. Hỏi trên cả mảnh vườn đó thu hoạch được bao nhiêu ki-lô-gam rau?

Phương pháp

a) Chiều dài = (tổng + hiệu) : 2

Chiều rộng = chiều dài – hiệu

Diện tích mảnh đất = chiều dài x chiều rộng

b) Số kg rau thu được = Diện tích mảnh đất : 5×4

Lời giải

a) Chiều dài mảnh đất là:

$$(98 + 12) : 2 = 55 \text{ (m)}$$

Chiều rộng mảnh đất là:

$$98 - 55 = 43 \text{ (m)}$$

Diện tích mảnh đất là:

$$55 \times 43 = 2\,365 \text{ (m}^2\text{)}$$

b) Trên cả mảnh vườn đó thu hoạch được số ki-lô-gam rau là:

$$2\,365 : 5 \times 4 = 1892 \text{ (kg)}$$

Đáp số: a) $2\,365 \text{ m}^2$

b) 1892 kg rau